

Số 78/TB-THADS

Đắk Nông, ngày 04 tháng 02 năm 2025

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ
TÀI SẢN**

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tài sản đấu giá:

STT	Tên TS/ Hạng mục	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng	Thành tiền
01	Nhà Kho	- Kết cấu nhà kho: gồm 01 tầng, mái tôn, móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, móng đơn, hệ đà kiềng giằng móng, vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 M250. Toàn bộ hệ thống móng có dấu hiệu lún nứt; Cột nhà xưởng hệ thống cột vật liệu bằng thép chữ I, có tăng cường cứng, bị rỉ sét; Nền: làm bằng máy xoa nền tạo nhám mặt, bê tông đá 1x2, M250, dày 100mm, lớp nilông chống ẩm, lớp đất lu lên đầm chặt; - Tường, vách phần tường dưới xây gạch cao 0,5m dày 200, sơn nước hoàn thiện, có dấu hiệu bị nứt, phía trên bao quanh tôn mạ màu dày 0,45mm; - Kết cấu đỡ mái: vì kèo thép hình chữ I, xà gồ thép chữ C, liên kết bằng bu lông, thanh giằng thép vì kèo; - Mái: Giằng cáp 12, tôn nhựa lấy sáng dày 1,2mm, mái lợp tôn sóng màu dày 0,45mm; - Năm xây dựng: 2012. - Diện tích sử dụng: 5.000m² - Hệ thống điện: chạy nổi Hiện trạng: công trình đang được sử dụng, hao mòn theo thời gian sử dụng, móng và tường xuất hiện một số vết nứt, mái tôn bị rỉ sét.	01	12.580.000.000đ
02	Nhà điều hành	- Kết cấu: gồm 01 tầng, mái ngói - Móng: bê tông lót đá 4x6 M100 dày 100, móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, hệ đà kiềng giằng móng, vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 M250; - Cột nhà: vật liệu bằng BTCT đá 1x2 M250; - Nền nhà lớp đá 0x4 đầm chặt dày 100mm, lớp bê tông xi măng đá 1x2 M100, lát gạch men;	01	220.795.800 đ

		- Tường, vách: tường xây gạch, sơn nước bị bong tróc, đã cũ, có dấu hiệu thấm nước; - Kết cấu đỡ mái: dầm sàn liên kết đầu cột bằng thép hộp, mái lợp ngói (toàn bộ công trình đã cũ). - Năm xây dựng: 2012. - Diện tích sử dụng: 103,66m² - Hiện trạng: công trình đang được sử dụng, hao mòn theo thời gian sử dụng, móng và tường xuất hiện một số vết nứt, hệ thống cửa và mái tôn bị rỉ sét.		
03	Nhà bảo vệ	- Kết cấu: gồm 1 trệt, mái bằng. - Móng: bê tông lót đá 4x6 M100 dày 100, móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, hệ dầm kiềng giằng móng, vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 M250; - Cột nhà: vật liệu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, nền nhà: lớp đá 0x4 đầm chặt dày 100mm, lớp bê tông xi măng đá 1x2 M100, lát gạch ceramic; - Tường vách: tường xây gạch, sơn nước, bị bong tróc, đã cũ. Có dấu hiệu thấm nước. - Kết cấu đỡ mái nhà: dầm sàn liên kết cột bằng BTCT đá 1x2 M100, mái BTCT - - - Năm xây dựng: 2012. - Diện tích sử dụng: 7,5m² - Hiện trạng: công trình đang được sử dụng, hao mòn theo thời gian sử dụng, móng và tường xuất hiện một số vết nứt, hệ thống cửa và mái tôn bị rỉ sét	01	15.975.000 đ
04	Nhà điều hành trạm cân	- Kết cấu: gồm 1 trệt, mái bằng; - Móng: bê tông cốt lót đá 4x6 M100 dày 100, móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, hệ dầm kiềng giằng móng, vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 M250; - Cột nhà: vật liệu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, nền nhà: lớp đá 0x4 đầm chặt dày 100mm, lớp bê tông xi măng đá 1x2 M100, lát gạch ceramic; - Tường, vách: tường xây gạch, sơn nước bị bong tróc, đã cũ, có dấu hiệu thấm nước; - Kết cấu đỡ mái: dầm sàn liên kết đầu cột bằng BTCT đá 1x2 M200, mái BTCT. - Năm xây dựng: 2012. - Diện tích sử dụng: 7,5m² - Hiện trạng: công trình đang được sử dụng, hao mòn theo thời gian sử dụng, móng và tường xuất hiện một số vết nứt, hệ thống cửa và mái tôn bị rỉ sét	01	15.975.000 đ
05	Cổng tường	- Kết cấu: Bê tông lót đá 4x6 M100 dày 100,	01	480.942.210 đ

	rào	cột vật liệu bằng BTCT đá M200, tường, vách: Tường xây gạch vữa XM phi 75 dày 100mm. - Năm xây dựng: 2012. - Chiều dài sử dụng: 808,85 md. - Hiện trạng: Hao mòn theo thời gian sử dụng, móng và tường xuất hiện một số vết nứt.		
06	Bể tự hoại, giếng thấm	- Kết cấu: Nắp bằng BTCT M200, dày 80mm, phi 6-a200, thành giếng xây gạch đĩnh, mặt ngoài chèn đá 4x6 dày 200 và sỏi hạt to dày 50. - Năm xây dựng: 2012. - Thể tích: 105m ³ ; - Hiện trạng: Hao mòn theo thời gian sử dụng.	01	163.800.000 đ
07	Trạm cân	Kết cấu: 80 tấn, móng trạm bê tông lót đá 1x2 M100, bê tông đá 1x2 M2.50, thiết bị cân điện tử 80 tấn kích thước bàn cân 3x14m; - Năm xây dựng: 2012. - Hiện trạng: Hao mòn theo thời gian sử dụng.	01	110.500.000 đ
08	Hệ thống đường ống phòng cháy chữa cháy	- Kết cấu: Thiết bị ống cấp nước chữa cháy STK 01 D76, D60, Cút, tê mẫn xông, côn chuyên STK D 76, D60, tủ chữa cháy trong nhà. Lãng chữa cháy D51, vòi chữa cháy D51, van chữa cháy D51, bình chữa cháy MFZ8-8kg. Máy bơm điện chữa cháy Pentax 30HP, Q 68m ³ /h, H=80m. Van một chiều, hai chiều D 76, tủ điều khiển máy bơm điện 50A, giỏ lọc D76, cáp động lực 3x16+1x10 - Hiện trạng: đang được sử dụng làm đường ống bơm nước	01	110.509.300 đ
09	Trạm biến áp	- Kết cấu: 160 KVA, hiệu HBT, hiện công ty không sử dụng, không kiểm tra trình trạng hoạt động - Năm sản xuất: 2011 - Hiện trạng: không được sử dụng, không được lắp đặt trên trụ điện, không kiểm tra được tình trạng hoạt động của máy	01	88 500 000 đ
Tổng cộng				13.786.997.310 đồng
Làm tròn				13.786.997.000 đồng

2. Giá khởi điểm: 13.786.997.000 đồng (Mười ba tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam – Địa chỉ: Phòng 306A, Tầng 3 Toà nhà Bình Minh, Số 2 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 91 điểm

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG (I+II+III+IV+V+VI)	100	91	
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0	
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 phiên đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0	

1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0	
3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0	
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0	
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	48	
1	Tổng số phiên đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả phiên đấu giá thành và phiên đấu giá không thành)	15,0	15,0	
1.1	Dưới 20 phiên đấu giá	12,0		
1.2	Từ 20 phiên đấu giá đến dưới 40 phiên đấu giá	13,0		
1.3	Từ 40 phiên đấu giá đến dưới 70 phiên đấu giá	14,0		
1.4	Từ 70 phiên đấu giá trở lên	15,0	15,0	
2	Tổng số phiên đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	6,0	
2.1	Dưới 10 phiên đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
2.2	Từ 10 phiên đấu giá thành đến dưới 30 phiên đấu giá thành	5,0		
2.3	Từ 30 phiên đấu giá thành đến dưới 50 phiên đấu giá thành	6,0	6,0	45 cuộc
2.4	Từ 50 phiên đấu giá thành trở lên	7,0		
3	Tổng số phiên đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế phiên đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0	6,0	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	6,0	30 cuộc

3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0		
4	Tổng số phiên đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,0	3,0	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0		
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$			
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$			
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0	5,0	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0		
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	3,0	
6.1	01 đấu giá viên	2,0		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0		
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)	4,0	3,0	

	ng nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)			
7.1	Dưới 05 năm	2,0		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0		
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	4,0	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0		
8.2	Từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	4,0	
8.3	Từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0		
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0	3,0	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0		
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	8,0	
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0		
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0		
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0		
4	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0		

TỔNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	100	91	
---------------------------	------------	-----------	--

Đề nghị Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông để thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dgts.moj.gov.vn);
- Đương sự
- Lưu VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Thị Út